

Bản án số: 31/2017/HSST
Ngày 08 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiên Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Lê Văn Do - Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện Đak Đoa;

2- Bà Nguyễn Thị Chín – Nguyên Hiệu trưởng Trường tiểu học số 1 thị trấn Đak Đoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Kỳ – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại: Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2017/HSST, ngày 19 ngày 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

- **L**, sinh năm 1997 tại Đak Đoa - Gia Lai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Làng K, xã Tr, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Jrai; tôn giáo: Không; con bà Luik, sinh năm 1975, **không xác định được bố**; gia đình có 02 anh em: bị cáo và em sinh năm 2004; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- **V**, sinh năm 1996 tại Đak Đoa - Gia Lai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Làng K, xã Tr, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Jrai; tôn giáo: Không; con ông Djoih, sinh năm 1965 và bà Bôi, sinh năm 1967; gia đình có 07 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 2001, bị cáo là con thứ 6 trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền sự: không; tiền án: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

* **Người bị hại:** Chị Nguyễn Thị Nguyệt T, sinh năm 1989 và anh Võ Duy L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Làng K, xã Tr, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Có mặt

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- D, sinh ngày 18/02/2001. Có mặt

Đại diện hợp pháp của D: Ông Dh(Là bố đẻ). Có mặt

Cùng địa chỉ: Làng Ghè, xã Trang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

- Dm, sinh năm 2001. Có mặt

Đại diện hợp pháp của Dm: Ông Al (Là bố đẻ). Có mặt
Cùng địa chỉ: Làng K, xã Tr, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

- Gh, sinh năm 2001. Có mặt

Đại diện hợp pháp của Gh: Ông Goan (Là bố đẻ). Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Làng K, xã Tr, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

-Anh Dnh, sinh năm 1974

Địa chỉ: Làng Ghè, xã Trang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Anh Al, sinh năm 1980

Địa chỉ: Làng K, xã Tr, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Anh G, sinh năm 1976

Địa chỉ: Làng K, xã Tr, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Anh Gi, sinh năm 2001

Đại diện hợp pháp của Gi: Ông G (Là bố đẻ). Vắng mặt

Địa chỉ: Làng K, xã Tr, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

- Anh Trần Xuân B, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Pham Lá 1, xã Barmaih, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo L và V:* Bà Trang Thị Thùy D- Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: 46 Lê Thánh Tôn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt

* *Người phiên dịch:* Ông Jil

Địa chỉ: Làng Klok, thị trấn Đak Đoa, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo L và V bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 27/12/2016 D cùng Gh, Dm, V và L đều trú tại Làng K, xã Tr, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai ngồi chơi tại ngã tư của làng thì D rủ cả nhóm đến nhà của chị Nguyễn Thị Nguyệt T trú cùng làng để trộm cắp cà phê, tất cả đều đồng ý. V nói “mấy đứa cứ trộm trước đi, ăn cơm xong ra sau”, rồi V mượn xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 81K6-4202 của D về nhà ăn cơm, lúc này còn lại còn D, L, Dm và Gh ở lại để đi trộm cắp. D, L và Dm đi vào vườn cà phê nhà ông Yăi gần kho chứa cà phê của nhà chị Thảo, D trèo qua lưới B40 vào bên trong, Dm và L ngồi trong vườn cà phê chờ D mang cà phê ra còn Gh đứng trước nhà chị Thảo canh người. D nhặt một đoạn cây sắt để cạy khóa cửa vào bên trong kho vác lần lượt từng bao cà phê vỏ khô ra ngoài, đưa qua hàng rào lưới B40 cho Dm và L đem đi giấu tổng cộng được 04 bao đến bao thứ 05 thì D tự vác qua hàng rào nên bị lưới làm rách bao đổ một ít cà phê ra ngoài. Sau đó L và Dm dùng xe mô tô BKS 81B1-56489 của nhà Dm chở 02 bao có trọng lượng 94kg đem đi bán tại điểm thu mua cà phê của ông Trần Xuân B (thuộc thôn Phan Lá 1, xã Barmái, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai) được số tiền 1.880.000 đồng, L và Dm chia nhau mỗi người 940.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, V quay lại, lúc này D đã trộm xong cà phê và giấu ở vườn cà phê nhà ông Yăi. Thấy V quay lại D vác 01 bao cà phê ra đặt lên xe của V để V và Gh chở đi bán còn D điều khiển xe mô tô BKS 81C1-05036 mượn của Gi

chạy theo sau, V biết bao cà phê trên là do trộm cắp vì trước đó D đã rủ tất cả đi đến nhà chị Thảo để trộm cắp cà phê. Trên đường đi các đối tượng bị anh Võ Văn Ty (em chị Thảo) phát hiện đuổi theo nên đã bỏ lại 02 xe mô tô và cà phê để chạy trốn, anh Ty điện báo công an xã Trang đến lập biên bản, tạm giữ 01 bao cà phê có trọng lượng 40kg, 01 xe mô tô BKS 81K6-4204 và 01 xe mô tô BKS 81C1-05036.

Quá trình điều tra thu giữ thêm 01 xe mô tô BKS 81B1-56489 và 01 bao cà phê có trọng lượng 32kg.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05 ngày 27/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đak Đoa kết luận: 166kg cà phê vỏ khô trị giá là: 3.815.344đ (ba triệu, tám trăm, mười lăm ngàn, ba trăm bốn mươi bốn đồng).

Đối với bao cà phê thứ 5, các bị cáo giấu ở rẫy cà phê đã bị mất nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Các bị cáo khai nhận bao cà phê này có trọng lượng khoảng 40kg; bị hại cho rằng bao cà phê này có trọng lượng 40kg.

Tại bản Cáo trạng số 31/CTr-VKS, ngày 17/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo L và V về tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng cũng như lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo L và V theo nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b,g,h,p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo L và V, mỗi bị cáo từ 04 đến 06 tháng tù; buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo L và V thống nhất với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như các Điều luật áp dụng như Viện kiểm sát đề nghị và áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo L và V mỗi bị cáo từ 04 – 06 tháng tù và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi phạm tội: Vì muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu lợi ích cá nhân nên vào khoảng ngày 27/12/2016, L và V cùng với D, Dm và Gh đã đến nhà của chị

Nguyễn Thị Nguyệt T trú cùng làng để trộm cắp cà phê. D, L và Dm đi vào vườn cà phê nhà ông Yãi gần kho chứa cà phê của nhà chị Thảo, D trèo vào bên trong, Dm và L ngồi trong vườn cà phê chờ D mang cà phê ra còn Gh đứng trước nhà chị Thảo canh gác. D nhặt một đoạn cây sắt để cạy khóa cửa vào bên trong kho vác lần lượt từng bao cà phê vỏ khô ra ngoài, đưa qua hàng rào lưới B40 cho Dm và L đem đi giấu tổng cộng được 04 bao đến bao thứ 05 thì D tự vác qua hàng rào. Sau đó L và Dm dùng xe mô tô BKS 81B1-56489 của nhà Dm chở 02 bao có trọng lượng 94kg đem đi bán tại điểm thu mua cà phê của ông Trần Xuân B được số tiền 1.880.000 đồng, L và Dm chia nhau mỗi người 940.000 đồng tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, V quay lại, D vác 01 bao cà phê ra đặt lên xe của V để V và Gh chở đi bán còn D chạy xe theo sau. Trên đường đi các đối tượng đã bị phát hiện và đuổi theo nên đã bỏ lại 02 xe mô tô và cà phê để chạy trốn.

Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt thu giữ được 04 bao cà phê Rubita vỏ khô là 166kg có trị giá là 3.815.344 đồng. Đối với 01 bao cà phê các bị cáo trộm cắp bị thất lạc, tại phiên tòa các bị cáo và bị hại đều thống nhất bao cà phê này là cà phê vỏ khô đồng nhất với 04 bao cà phê đã thu giữ và có trọng lượng là 40kg. Theo Kết luận định giá 05/ĐG-HĐ ngày 27/02/2017, 1kg cà phê Rubita vỏ khô tại thời điểm trộm cắp có trị giá là 22.984đ, vậy bao cà phê thứ 5 trọng lượng 40kg có giá trị là 919.360 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 4.734.704 đồng.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi trộm cắp của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân nên cần phải xử nghiêm khắc.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện tội phạm dưới hình thức đồng phạm giản đơn, không có tổ chức và cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Xét vai trò của các bị cáo thì thấy rằng:

Bị cáo L và V, mặc dù không trực tiếp lấy cà phê của bị hại nhưng các bị cáo đóng vai trò là đồng phạm giúp sức, đã nghe lời rủ rê của D đi trộm cắp; bị cáo L đã ngồi vườn cà phê chờ D lấy cà phê, sau đó bị cáo L và V là người trực tiếp dùng xe chở cà phê trộm cắp được đi tiêu thụ. Hành vi của các bị cáo đã tạo ra sức mạnh tinh thần cũng như điều kiện thuận lợi để cho D thực hiện hành vi trộm cắp. Hậu quả tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm là hậu quả chung. Vì vậy, các bị cáo L và V phải nhận mức án tương xứng với vai trò của bị cáo.

Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo: Các bị cáo **tự nguyện bồi thường thiệt hại**; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị

cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật bị hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b,g,h,p khoản 1;2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đối với D (sinh ngày 18/02/2001) là người khởi xướng việc phạm tội, Dm (sinh ngày 13/12/2001) và Gh (sinh ngày 31/12/2001) cùng thực hiện hành vi trộm cắp nhưng đến ngày phạm tội (ngày 27/12/2016) D mới 15 tuổi 10 tháng 09 ngày, Dm mới 15 tuổi 14 ngày, Gh mới 14 tuổi 11 tháng 26 ngày chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi trộm cắp này nên Công an huyện Đak Đoa đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với ông Trần Xuân B là người đã mua 02 bao cà phê từ L và Dm, khi mua ông Ba không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với ông Ba.

Đối với Gi đã cho D mượn xe mô tô BKS 81C1-05036; ông Dh là chủ sở hữu xe mô tô BKS 81K6-4204 và ông Al là chủ sở hữu xe mô tô BKS 81B1-56489; việc các bị cáo mượn xe sau đó sử dụng làm phương tiện để phạm tội, Gi, ông Dh và ông Al đều không biết nên không có căn cứ để xử lý đối với Gi, ông Dh và ông Al.

Về vật chứng:

- 01(một) xe mô tô, nhãn hiệu: Yamaha-Sirius BKS 81B1-56489, Số máy: 1FC1001345, Số khung: RLCS1FC100Y001334 do Dm giao nộp. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đoa đã trả lại cho ông Al chủ sở hữu là phù hợp.

- 01(một) xe mô tô, nhãn hiệu: XEMAVY, BKS 81K6-4204, Số máy: 2FMH00051172, Số khung: KMN6H051172 do Công an xã Trang thu giữ trong quá trình bắt quả tang. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đoa đã trả lại cho ông Dh chủ sở hữu là phù hợp.

- 01(một) xe mô tô, nhãn hiệu: YAMAHA-SIRIUS, BKS 81C1-05036, Số máy: 5C64670151, Số khung: C640BY670146 do Công an xã Trang thu giữ trong quá trình bắt quả tang. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đoa đã trả lại cho ông G chủ sở hữu là phù hợp.

- 01 (một) bao cà phê vỏ khô bao màu xanh có trọng lượng 40kg do Công an xã Trang thu giữ trong quá trình bắt quả tang D. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đoa đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Nguyệt T là phù hợp.

- 32kg cà phê vỏ khô đựng trong bao cước màu đỏ do D giao nộp. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đoa đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Nguyệt T là phù hợp.

- Tiền VNĐ 1.880.000 đồng do Dm và L mỗi người giao nộp 940.000đ tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đoa. Đây là số tiền mà Dm và L đã bán tài sản trộm cắp là 02 bao cà phê cho ông Ba. **L và Dm đều không yêu cầu nhận lại số tiền này nên cần sung vào công quỹ nhà nước.**

- Đối với 01 đoạn cây sắt mà D dùng để phá khóa cửa và 01 bao cà phê các đối tượng giấu ở vườn cà phê Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đoa không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Nguyệt T, Võ Duy L đã nhận lại 72kg cà phê vỏ khô và số tiền 5.000.000 đồng theo yêu cầu nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo L và V phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b,g,h,p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo L 04 (Bốn) tháng tù;

Xử phạt bị cáo V 04 (Bốn) tháng tù;

Thời hạn phạt tù được tính từ ngày các bị cáo vào trại để chấp hành án.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu sung công quỹ số tiền 1.880.000đ (Một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) (Theo Biên bản v/v giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/8/2017 giữa cơ quan điều tra Công an huyện Đak Đoa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Đoa).

Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự,

Buộc các bị cáo L và V, mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến **quyền lợi** của mình để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Đoa;
- Công an huyện Đak Đoa;
- Chi cục THADS huyện Đak Đoa;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Sỹ

